

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN VĂN QUAN
TỈNH LẠNG SƠN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 03/2020/DS-ST

Ngày 11-8-2020

V/v tranh chấp quyền sử dụng đất và tài
sản gắn liền với đất, yêu cầu di dời tài sản
và buộc khôi phục hiện trạng ban đầu.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VĂN QUAN, TỈNH LẠNG SƠN.

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nông Thị Mỹ Phước

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Hoàng Văn Tuấn

Bà Hoàng Thị Thúy

- Thư ký phiên tòa: Bà Lục Quỳnh Trâm - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Văn Quan, tỉnh Lạng Sơn.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Văn Quan, tỉnh Lạng Sơn tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Trang - Kiểm sát viên.

Ngày 11/8/2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Văn Quan, tỉnh Lạng Sơn xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 24/2019/TLST-DS ngày 30 tháng 12 năm 2019 và thông báo thụ lý bổ sung số 24a/TLST-DS ngày 10/6/2020 về việc Tranh chấp quyền sử dụng đất và tài sản với đất, yêu cầu di dời tài sản trên đất và buộc khôi phục hiện trạng ban đầu, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 03/2020/QĐXX-ST ngày 29 tháng 6 năm 2020, Quyết định hoãn phiên tòa số: 349/2020/QĐ ngày 22/7/2020, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Triệu Thị S, sinh năm 1962. Địa chỉ: Thôn T, xã T, huyện V, tỉnh Lạng Sơn, có mặt.

- Bị đơn:

1. Ông Triệu Văn L, sinh năm 1968. Nơi cư trú: Thôn T, xã T, huyện V, tỉnh Lạng Sơn, vắng mặt. Người đại diện theo ủy quyền của ông Triệu Văn L là bà Triệu Thúy H, sinh năm 1966. Nơi cư trú: Thôn Q1, xã Q, thành phố L, tỉnh Lạng Sơn (văn bản ủy quyền ngày 29/6/2020), có mặt.

2. Bà Lý Thị P, sinh năm 1964. Nơi cư trú: Thôn T, xã T, huyện V, tỉnh Lạng Sơn, có mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của các bị đơn: ông Triệu Văn L

và bà Lý Thị P: Bà Nguyễn Thị Trung Vân, Luật sư thực hiện trợ giúp pháp lý, thuộc Trung tâm Trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Lạng Sơn, có mặt.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Ủy ban nhân dân xã T, huyện V, tỉnh Lạng Sơn. Người đại diện hợp pháp là ông Triệu Văn H- Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã T, huyện V, tỉnh Lạng Sơn, vắng mặt.

2. Ông Nguyễn Văn T, có mặt.

3. Anh Nguyễn Văn H1, vắng mặt.

4. Anh Nguyễn Văn T1, có mặt.

5. Anh Triệu Văn Phụng, có mặt.

6. Chị Nông Thị N, có mặt;

7. Anh Triệu Văn Q, vắng mặt.

8. Anh Triệu Văn V, có mặt.

9. Anh Triệu Quang L1, vắng mặt.

10. Chị Triệu Thị H1, vắng mặt;

11. Bà Triệu Thị H2, có mặt;

Cùng cư trú tại: Thôn T, xã T, huyện V, tỉnh Lạng Sơn.

12. Chị Hoàng Thị Đ. Nơi cư trú: xã T, huyện B, tỉnh Bình Phước, vắng mặt.

13. Chị Hoàng Thị T2. Nơi cư trú: Khu phố B, Phường B1, Thành phố T, tỉnh Bình Dương, vắng mặt;

14. Bà Triệu Thị S1. Nơi cư trú: Thôn N, xã T, huyện B, tỉnh Lạng Sơn, vắng mặt.

15. Ông Triệu Văn H3. Nơi cư trú: Số nhà 01, ngõ 5, đường P, phường Đ, thành phố L, tỉnh Lạng Sơn, vắng mặt.

16. Bà Triệu Thị Đ. Nơi cư trú: Thôn L, xã T, huyện C, tỉnh Lạng Sơn, có mặt.

17. Bà Triệu Thị T3. Nơi cư trú: Số nhà 1A, ngõ 5, đường P1, phường Đ1, thành phố L1, tỉnh Lạng Sơn, có mặt.

18. Bà Triệu Thúy H. Nơi cư trú: Thôn Q1, xã Q, thành phố L, tỉnh Lạng Sơn, có mặt.

19. Bà Triệu Thị Lan P2. Nơi cư trú: Số 97, đường Lê Lai, phường H, thành phố L, tỉnh Lạng Sơn, có mặt.

20. Bà Triệu Thị Thúy L1. Nơi cư trú: Số 51, đường T, phường C, thành phố L, tỉnh Lạng Sơn, có mặt.

21. Bà Nguyễn Thu H4. Nơi cư trú: Số 17 Phan Bội Châu, phường C1, thành phố L1, tỉnh Lạng Sơn, vắng mặt.

22. Bà Triệu Thị X. Nơi cư trú: Số 47, đường H, khối 9 phường H, thành phố L, có mặt.

Người làm chứng:

1. Triệu Quang T4, vắng mặt.
2. Triệu Văn K, vắng mặt.
3. Triệu Văn C, vắng mặt.
4. Triệu Văn Q, vắng mặt.
5. Triệu Văn H5, vắng mặt.
6. Đàm Văn Y, vắng mặt.
7. Triệu Văn T5, vắng mặt.
8. Triệu Thị K1, vắng mặt.

Cùng trú tại: Thôn T, xã T, huyện V, Lạng Sơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 22/7/2019, đơn khởi kiện bổ sung ngày 17/12/2019, ngày 10/6/2020 và tại phiên tòa nguyên đơn bà Triệu Thị S trình bày: Gia đình bà có đất rừng tại địa danh Pò Co Chuông, Thôn T, xã T, huyện V, tỉnh Lạng Sơn, nguồn gốc là của ông cha để lại trước năm 1945 nhưng không có giấy tờ gì. Sau khi bố, mẹ chết thì bà được trực tiếp quản lý, sử dụng ổn định, đã được Nhà nước giao đất giao quyền quản lý rừng (sổ Bìa xanh) ngày 04/5/1998 có số lô 612 có diện tích 0,55 ha, đến năm 2000 được cấp đổi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (viết tắt là GCNQSDĐ) số số Q877453, có tổng diện tích là 5.500m² thuộc sổ thửa 612, trên đất gia đình bà trồng cây hồi từ năm 1998-2000 theo dự án PAM và quản lý, sử dụng ổn định không ai tranh chấp. Đến ngày 25/3/2019 gia đình ông Triệu Văn L thuê máy xúc ủi thửa đất cào hết con đường mòn qua khỏi gốc tre lên đến gốc cây hồi nhà bà, đây là khoảng diện tích để làm ranh giới có bụi tre, từ gốc tre xuống là 5m có một con đường mòn duy nhất để người dân đi gánh nước, (nay đã không ai đi lại trên con đường mòn này), ngoài bụi gai còn một đoạn dài khoảng 50m mới đến giếng nước. Do ông Triệu Văn L cào đến gốc cây hồi nên mới xảy ra tranh chấp.

Ngày 11/3/2020 Tòa án nhân dân huyện Văn Quan đã tiến hành xem xét thẩm định tại chỗ, ngày 03/8/2020 xem xét thẩm định bổ sung xác định diện tích đất tranh chấp là 612,9m² tại Pò Co Chuông, thôn Tùng Tày, xã Tràng Phái là loại đất trồng cây hàng năm khác, tại tờ bản đồ giao đất lâm nghiệp năm 1995 không thể hiện số lô, tại bản đồ địa chính xã Tràng Phái đo vẽ năm 2008 có 610,6m² thuộc một phần thửa số 84, tờ bản đồ số 10 và diện tích 2,3m² thuộc một phần thửa số 186 tờ bản đồ số 11; đất có các hướng tiếp giáp: Đông giáp đất nhà bà Triệu Thị S; phía Tây giáp đất rừng ông Triệu Văn L; phía Nam giáp đất nhà ông Triệu Văn L và nhà ông Triệu Văn Năng; phía Bắc giáp đất tập thể có đường hào. Tài sản trên đất gồm có 07 cây hồi to (04 cây đường kính từ 05-10cm; 02 cây đường kính từ 10-15cm; 01 cây đường kính từ 02-05cm; 05 cây hồi nhỏ đường kính 02cm và 03 cây mận đường kính dưới 02cm (05 cây hồi nhỏ và 03 cây mận do gia đình ông Triệu Văn L mới trồng năm 2019). Giá trị của diện tích đất 612,9m² là 29.419.000 đồng, giá trị tài sản trên đất là 4.615.000 đồng. Kết quả xem xét thẩm định bổ sung ngày

03/8/2020 xác định được hàng cây gai có 25 gốc đường kính từ 3-7cm, cao 05cm, có đường mòn đi vào giếng nước tại vị trí cách điểm A là 0,75m, trong trên phần diện tích đất tranh chấp không thể hiện do đã đào lại đất và có đường mòn dọc theo hàng cây hoi và hàng cây gai.

Tại Kết luận giám định tư pháp về giám định bản đồ ngày 09/6/2020 và ngày 17/7/2020 đã kết luận: “8.1. Diện tích đất tranh chấp không nằm trong lô 612 mà Ủy ban nhân dân huyện đã giao cho hộ bà Triệu Thị S, vị trí lô 612 nằm gần khu đất tranh chấp, qua rà soát hộ bà Triệu Thị S còn quản lý sử dụng thửa số 62. Chồng ghép bản đồ giao đất rừng năm 1995 của xã Trảng Phái cho thấy lô 62 không cùng vị trí lô 612; 8.3. Diện tích đất tranh chấp 612,9m² không nằm trong lô 120 do ông Triệu Văn L sử dụng, chưa được cấp GCNQSDĐ; 8.4. Chồng ghép tham chiếu các tài liệu thì vị trí lô 612 nằm trong một phần thửa đất số 977 tờ bản đồ địa chính số 02 tỉ lệ 1/10000, quy chủ là Ủy ban nhân dân xã quản lý; 8.5. Tham chiếu tờ bản đồ địa chính số 11 tỷ lệ 1/10000 xã Trảng Phái, huyện Văn Quan thì vị trí lô 612 nằm trong một phần thửa đất số 186 tờ bản đồ địa chính số 11 tỷ lệ 1/10000, quy chủ là Ủy ban nhân dân xã quản lý; 8.6. Đối chiếu tờ bản đồ địa chính số 10 tỷ lệ 1/10000 xã Trảng Phái, huyện Văn Quan thì diện tích đất tranh chấp nằm trong một phần thửa số 84 tờ bản đồ địa chính số 10 tỷ lệ 1/10000, quy chủ là Ủy ban nhân dân xã quản lý”.

Tại kết quả giám định tuổi cây ngày 05/6/2020 của Bộ môn khoa học gỗ, Viện nghiên cứu công nghiệp rừng, thuộc Viện khoa học lâm nghiệp Việt Nam và tại Kết luận giám định tuổi cây ngày 05/6/2020 của giám định viên Hoàng Xuân Ngoan kết luận tuổi cây hoi: Một mẫu cây hoi có độ tuổi 35 ± 2 .

Khi viết đơn khởi kiện bà yêu cầu giải quyết diện tích 378m², sau khi xem xét thẩm định diện tích đất được đo thực tế là 612,9m². Nay bà khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông Triệu Văn L và bà Lý Thị P chấm dứt hành vi tranh chấp đất, yêu cầu các bị đơn di dời 03 cây mạn, 05 cây hoi mới trồng đi chỗ khác để cho bà và gia đình được quản lý sử dụng diện tích đất là 612,9m², sở hữu 07 cây hoi to trên đất tranh chấp, trong đó có 01 cây đã cắt đi giám định thì bị đơn trả bằng tiền và yêu cầu khôi phục hiện trạng ban đầu đối với diện tích đất tranh chấp tại Pò Co Chuông, thôn Tùng Tày, xã Trảng Phái, huyện Văn Quan, yêu cầu các bị đơn chịu toàn bộ chi phí tố tụng.

Bị đơn ông Triệu Văn L và người đại diện theo ủy quyền là bà Triệu Thúy H trình bày tại các bản tự khai và tại phiên tòa: Diện tích đất đang tranh chấp này có nguồn gốc là của cha ông để lại, ông nội là Triệu Đường Duyên sinh được 04 người con là ông Triệu Bùi Xuân (đã chết năm 1987), bà Triệu Thị S1, ông Triệu Văn C và ông Triệu Văn H3. Bố ông là Triệu Văn C đã hy sinh từ năm 1969, nên ông nội và mẹ ông là bà Nông Thị S3 quản lý sử dụng, canh tác thường xuyên, sau khi ông nội và mẹ ông qua đời thì do ông cùng các con quản lý, sử dụng đất, gia đình đã trồng hàng rào bằng cây gai từ năm 1999 để làm ranh giới ngăn cách với đất nhà bà Triệu Thị S, cụ thể: Phía trên một nửa giáp với nhà bà Triệu Thị S, một nửa giáp với nhà ông Triệu Văn Năng, phía bên phải giáp với nhà Triệu Văn Quý, phía tay trái giáp đất Còn Riêng, phía dưới giáp đất nhà ông đang quản lý, những

chỗ giáp ranh đều có hàng rào là cây gai, gần ranh giới có các cây hồi hàng năm ông được thu hái quả, phần đất trồng hàng năm canh tác trồng cây sắn và gừng, năm 2006 trồng cây hồi theo dự án 661, bà Triệu Thị S có rừng gần đó biết nhưng không có ý kiến gì, quá trình quản lý canh tác gia đình ông chưa kê khai đăng ký xin cấp GCNQSDĐ nhưng sử dụng ổn định, không ai tranh chấp, phần diện tích giáp ranh với rừng nhà bà Triệu Thị S hiện nay còn có 04 cây hồi to. Đến ngày 25/3/2019 ông đã thuê máy xúc đào lại đất để thuận lợi canh tác. Khi xúc đến chỗ giáp ranh với nhà bà Triệu Thị S ngang cây tre thì bà Triệu Thị S không cho ủi nữa. Đến ngày 28/3/2019 bà Triệu Thị S đến chặn hàng rào gai và cho rằng ông đã xúc vào đất của rừng nhà bà Triệu Thị S, từ đó mới xảy ra tranh chấp. Nay bà Triệu Thị S đòi quản lý diện tích đất tranh chấp, yêu cầu ông di dời cây mới trồng, khôi phục nguyên trạng thửa đất ông không nhất trí. Ông yêu cầu được quản lý, sử dụng diện tích theo kết quả xem xét thẩm định là 612,9m² và sở hữu cây hồi trên đất, yêu cầu trả bằng tiền đối với cây hồi cắt đi giám định. Không nhất trí chịu chi phí tổ tụng, di dời cây và khôi phục hiện trạng thửa đất. Buộc gia đình bị đơn chấm dứt tranh chấp đối với diện tích đất trên.

Bà Lý Thị P trình bày: nguồn gốc và quá trình sử dụng đất bà thống nhất với lời trình bày của chồng bà là ông Triệu Văn L. Bà kết hôn với ông Triệu Văn L từ năm 1997, bà cùng gia đình vẫn thường xuyên quản lý, sử dụng thửa đất liên tục đến năm 2019 không xảy ra tranh chấp với ai. Trong quá trình canh tác một phần đất tiếp giáp đất nhà từ thời ông nội đã trồng hồi từ lâu, còn phần đất phía trên rừng hồi lên tiếp giáp đất bà Triệu Thị S hiện đang tranh chấp hàng năm gia đình vẫn trồng hoa màu, đến năm 2006, 2007 vợ chồng bà có trồng hồi theo dự án 661 phủ kín hết phần đất còn lại, nhưng do trâu bò phá nay còn 07 cây. Diện tích đất đang tranh chấp và phần đất rừng hồi gia đình bà chưa lần nào kê khai cấp GCNQSDĐ. Năm 2019 gia đình lấy máy xúc đào lại đất để trồng cây ăn quả thì xảy ra tranh chấp với bà Triệu Thị S. Về tài sản trên đất đang tranh chấp do gia đình bà trồng gồm: 07 cây hồi trồng năm 2006; 05 cây hồi mới trồng tháng 10/2019 và 03 cây mận trồng tháng 4/2019. Còn bụi tre gia đình bà đã phá, đào lại đất vào tháng 3/2019 nên hiện nay không còn. Gia đình bà Slin không có tài sản gì trên diện tích đất đang tranh chấp. Nay bà không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Triệu Thị S, bà yêu cầu được quản lý, sử dụng toàn bộ diện tích đất đang tranh chấp là 612,9m² và sở hữu cây đất gồm: 05 cây hồi mới trồng tháng 10/2019 và 03 cây mận trồng tháng 4/2019 và 07 cây hồi to trong đó có 01 cây bà Triệu Thị S yêu cầu cắt giám định thì trả bằng tiền. Không nhất trí chịu chi phí tổ tụng, di dời cây và khôi phục hiện trạng thửa đất.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan trình bày:

Ông Nguyễn Văn T, anh Nguyễn Văn H1, anh Nguyễn Văn T1, anh Triệu Văn Phụng, chị Nông Thị N, bà **Triệu Thị X**, bà Triệu Thị H2 trình bày trong các bản tự khai, biên bản lấy lời khai tại Tòa án cũng như tại phiên tòa đều thống nhất với lời trình bày của nguyên đơn, không có yêu cầu độc lập. Nay yêu cầu giải quyết cho bà Triệu Thị S quản lý, sử dụng đất tranh chấp và tài sản trên đất.

Ông Triệu Văn H3, bà Triệu Thị S1, bà Triệu Thị Thúy L1, Triệu Thị Lan P2, bà Nguyễn Thu H4, bà Triệu Thúy H, bà Triệu Thị Đ, bà Triệu Thị T3 anh Triệu Văn Q, anh Triệu Văn V, anh Triệu Quan L1, chị Triệu Thị H1 trình bày trong các bản tự khai, biên bản lấy lời khai tại Tòa án cũng như tại phiên tòa thống nhất với quan điểm trình bày của ông Triệu Văn L và Triệu Thị Phượng, không có yêu cầu độc lập đối với đất tranh chấp, yêu cầu giải quyết cho ông Triệu Văn L và bà Lý Thị P được quản lý sử dụng đất tranh chấp và sở hữu tài sản trên đất. Chị Hoàng Thị Đ, chị Hoàng Thị T2 cho biết là con riêng của bà Lý Thị P, nên không có quyền lợi gì đối với thửa đất đang tranh chấp.

Ông Triệu Văn H là người đại diện hợp pháp của Ủy ban nhân dân xã Trảng Phái trình bày tại văn bản số: 44/CV-UBND ngày 07/5/2020: Nguồn gốc đất tranh chấp là của cụ Triệu Văn Tự (ông nội ông Triệu Văn L), trên đất có cây hồi do gia đình ông Triệu Văn L quản lý, bố ông Triệu Văn L là Triệu Văn Cđi bộ đội hy sinh, nên được ông Triệu Văn L và bà Lý Thị P quản lý, hàng năm vẫn canh tác, trồng hoa màu. Qua kiểm tra hồ sơ địa chính diện tích đất chưa được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ai. Diện tích đất tranh chấp không nằm trong quy hoạch các công trình phúc lợi của xã Trảng Phái, do vậy có thể thực hiện giao đất, cấp GCNQSDĐ theo quy định của pháp luật.

Tại văn bản số: 509/UBND-TNMT ngày 5/4/2020, văn bản số: 788/UBND-TNMT ngày 01/6/2020 và văn bản số: 883 ngày 18/6/2020 của Ủy ban nhân dân huyện Văn Quan cung cấp thông tin liên quan đến diện tích đất tranh chấp như sau: Diện tích đất tranh chấp 612,9m² trong đó có 610,6m² thuộc một phần thửa số 84, tờ bản đồ số 10 và diện tích 2,3m² thuộc một phần thửa số 186 tờ bản đồ số 11 bản đồ địa chính xã Trảng Phái đo vẽ năm 2008. Đối chiếu bản đồ giải thửa 299 xã Trảng Phái năm 1988 và các loại sổ sách từ năm 2010 trở về trước cho thấy diện tích đất tranh chấp chưa được đo vẽ thể hiện chi tiết trên bản đồ. Kiểm tra bản đồ giao đất Lâm nghiệp xã Trảng Phái tỷ lệ 1:10.000 đo vẽ năm 1995 sổ Lâm bạ xã Trảng Phái năm 1998 cho thấy diện tích đất tranh chấp chưa được đo vẽ thể hiện số lô trên bản đồ. Kiểm tra hồ sơ địa chính, sổ Mục kê đất nông nghiệp xã Trảng Phái cho thấy thửa đất số 84, tờ bản đồ địa chính số 10 diện tích 15.393,0m² loại đất chưa sử dụng; thửa đất 186 tờ bản đồ địa chính số 11 có diện tích 20.508,0m² loại đất chưa sử dụng. Các thửa đất trên chưa được giao đất, cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho hộ gia đình, cá nhân nào. Đối chiếu tờ bản đồ đất lâm nghiệp xã Trảng Phái năm 2012 cho thấy vị trí đất tranh chấp thuộc một phần thửa 977 tờ bản đồ số 02, kiểm tra sổ mục kê đất lâm nghiệp xã Trảng Phái cho thấy thửa số 977 là loại đất nương rẫy, trồng cây hàng năm khác, chưa được giao và cấp GCNQSDĐ cho hộ gia đình, cá nhân. Đối chiếu sổ cấp GCNQSDĐ diện tích đất tranh chấp là đất trồng cây hàng năm khác, chưa được giao và cấp GCNQSDĐ cho hộ gia đình, cá nhân nào. Gia đình bà Triệu Thị S, ông Triệu Văn L và bà Lý Thị P chưa kê khai xin cấp GCNQSDĐ. Qua kiểm tra hồ sơ giao quyền quản lý và sử dụng rừng và đất trồng rừng năm 1998 và sổ Lâm bạ xã Trảng Phái năm 1998 cho thấy bà Triệu Thị S được giao quản lý sử dụng đối với lô 612 diện tích 0,55ha có các hướng tiếp giáp: Đông giáp Thịnh; Tây giáp đường mòn; Nam giáp đông; Bắc giáp đường mòn. Năm 2000 Triệu Thị S có đơn kê khai xin cấp đổi

đối với thửa 612 tại Pò Co Chuông và đã được cấp GCNQSDĐ số Q877453. Về thủ tục cấp GCNQSDĐ cho bà Triệu Thị S tại thửa 612 được thực hiện trên cơ sở các hồ sơ giao đất giao rừng đã thực hiện từ năm 1998, do vậy khi thực hiện cấp GCNQSDĐ không thực hiện xác minh nguồn gốc đất. Qua đối chiếu bản đồ điều chỉnh quy hoạch, diện tích đất tranh chấp nằm trong một phần thửa 84 và thửa 186 không nằm trong quy hoạch. Tài sản gắn liền với đất là các cây trồng không nằm trong khu vực đất quy hoạch, do vậy có thể giao đất và tài sản trên đất cho các hộ gia đình, cá nhân quản lý sử dụng và cấp GCNQSDĐ theo quy định của pháp luật.

Những người làm chứng trình bày:

Ông Triệu Quang T4 trình bày tại biên bản lấy lời khai ngày 16/6/2020: Cách đây 20 năm ông thấy mẹ ông Triệu Văn L là bà Nông Thị S trồng cây gai xung quanh vườn, trồng hoa màu, thấy gia đình trồng hồi theo dự án trồng cây phân tán và dự án 661 giai đoạn 2006. Gia đình ông Triệu Văn L vẫn quản lý, sử dụng thường xuyên đối với đất tranh chấp, phần ranh giới với đất nhà bà Triệu Thị S có đường mòn qua trên hàng rào cây gai, từ trước đến nay người và trâu bò đều đi lại bằng con đường này để đi đến một giếng nước trong làng, gần ranh giới có 04 cây hồi của ông Triệu Văn L. Từ xưa đến nay gia đình nhà ông Triệu Văn L vẫn quản lý, không xảy ra tranh chấp, đến năm 2019 gia đình ông Triệu Văn L ủi đất và bụi tre đi thì mới xảy ra tranh chấp.

Ông Đàm Văn Y trình bày tại biên bản lấy lời khai ngày 16/6/2020: Diện tích đất tranh chấp do ông Triệu Văn L vẫn canh tác từ xưa, có hàng rào cây gai Trung Quốc do nhà ông Triệu Văn L trồng để làm ranh giới, phía trên là đất rừng hồi nhà bà Triệu Thị S, phía dưới thửa đất thì giáp ngay nhà ông Triệu Văn L. Trên phần đất đang tranh chấp có lác đác vài cây hồi do nhà ông Triệu Văn L trồng, do gia đình ông Triệu Văn L quản lý sử dụng, chưa thấy xảy ra tranh chấp với ai bao giờ. Khoảng cuối tháng 3/2019 nhà ông Triệu Văn L đào đất đã ủi đi 01 bụi tre gai, thì bà Triệu Thị S mới đến chặt hàng rào cây gai, từ đó xảy ra tranh chấp.

Ông Triệu Văn H5 trình bày tại biên bản lấy lời khai ngày 16/6/2020: Từ ngày trước ông thấy phía trên hàng rào gai có rừng hồi của nhà bà Triệu Thị S, phía dưới là đất vườn của nhà ông Triệu Văn L, chỗ đất này trước đây có cây vầu, sau đó nhà ông Triệu Văn L phát đi để trồng ngô, khoai, sắn, trồng gừng, phần đất giáp ranh với đất nhà bà Triệu Thị S có khoảng 3 - 4 cây hồi do nhà ông Triệu Văn L trồng phía dưới hàng rào gai, hàng năm ông thấy gia đình nhà ông Triệu Văn L thu hái quả. Năm 2019 gia đình ông Triệu Văn L thuê máy xúc ủi đất, ông có mặt ở đó thấy bà Triệu Thị S nói ông Triệu Văn L lên cấm cọc nhưng ông không cấm vì chưa xúc đến hàng rào, sau đó bà Triệu Thị S mới chặt hàng rào gai đi. Ông khẳng định chỗ đất này là của gia đình nhà ông Triệu Văn L, cả làng ai cũng biết.

Ông Triệu Văn Q trình bày tại biên bản lấy lời khai ngày 16/6/2020: Từ nhỏ ông thấy đất rừng tại Pò Co Chuông, thôn Tùng Tày, xã Tràng Phái có một đường mòn đi qua, có hàng rào bằng cây gai Trung Quốc giáp với đường mòn do nhà ông Triệu Văn L trồng để làm ranh giới, ngoài ra còn có cây gai Nam Càng, hiện nay hàng rào cây gai đã bị bà Triệu Thị S chặt hết. Trên phần đất tranh chấp tại giáp ranh thấy có cây hồi của nhà ông Triệu Văn L trồng, cuối tháng 3/2019 ủi

đất gia đình bà Triệu Thị S biết nhưng không có ý kiến gì, sau vài ngày thì mới xảy ra tranh chấp.

Ông Triệu Văn C trình bày tại biên bản lấy lời khai ngày 15/7/2020: Bà Triệu Thị S và ông Triệu Văn L đều có đất ở Pò Co Chuông, có cây tre làm mốc nhưng không biết cụ thể ranh giới vì cây tre đã xúc ủi đi. Trong phần đất tranh chấp có đường đi lại ra giếng, cụ thể phía dưới là rừng ông Triệu Văn L và phía trên cũng là đất của ông Triệu Văn L. Ông cũng không biết còn con đường nào khác không, vì đã lâu không lên rừng.

Ông Triệu Văn K trình bày tại biên bản lấy lời khai ngày 15/7/2020 cho biết: 02 gia đình đều có đất ở Pò Co Chuông, giữa hai nhà có canh giới là hàng rào gai, trên hàng rào là đất bà Triệu Thị S, dưới là đất ông Triệu Văn L.

Bà Triệu Thị K1 trình bày tại biên bản lấy lời khai ngày 15/7/2020 cho biết, chỉ biết đường mòn đi gánh nước của làng, còn diện tích đất đang tranh chấp giữa hai nhà do ai quản lý, sử dụng bà không nắm được.

Ông Triệu Văn T5 trình bày tại biên bản lấy lời khai ngày 05/8/2020 trình bày: hàng năm thấy gia đình ông Triệu Văn L thường xuyên canh tác, thấy hàng rào gai đã có từ lâu do gia đình ông Triệu Văn L trồng và quản lý, có 01 đường mòn phía trên hàng cây gai dẫn ra giếng nước, phần ranh giới có 04 cây hồi và có 02 gốc tre thuộc về gia đình ông Triệu Văn L, nhưng do ai trồng trồng, từ năm nào ông không biết.

Tòa án đã tiến hành mở phiên họp tiếp cận chứng cứ. Tại phiên họp bị đơn là ông Triệu Văn L và bà Lý Thị P có yêu cầu bà Triệu Thị S bồi thường hàng cây gai bị chặt tương ứng 02 ngày công là 250.000 đồng/ 1 ngày, tổng cộng là 500.000 đồng. Ngày 20/6/2020 phía bị đơn rút yêu cầu này. Do tại phiên họp có anh Hoàng Văn Tuyên và ông Hoàng Văn Tám sử dụng điện thoại di động để ghi âm khi chưa được sự nhất trí của người tiến hành tố tụng, bị đơn và những người liên quan phía bị đơn phản đối, nên các đương sự cùng đề nghị không tiến hành hòa giải, do vậy Tòa án không tiến hành hòa giải vụ việc được.

Tại phiên tòa các đương sự giữ nguyên quan điểm như trên. Tại phần tranh luận, phía nguyên đơn là bà Triệu Thị S, anh **Nguyễn Văn T1**, bà Triệu Thị X có ý kiến cho rằng Kết luận giám định bản đồ và giám định tuổi cây không phù hợp với thực tế và không khách quan, do vậy gia đình nguyên đơn không nhất trí với kết quả giám định này.

Ý kiến của Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị đơn trình bày và đề nghị: Nguồn gốc của diện tích đất tranh chấp tại Pò Co Chuông là của ông nội ông Triệu Văn L, gia đình đã sử dụng canh tác trồng cây, hoa màu trên đất, có cây hồi cũ của gia đình ông Triệu Văn L trồng bao gồm trên phần diện tích đất tranh chấp và đất rừng liền kề năm 2006 – 2007 trồng bổ sung một số cây hồi trên phần đất tranh chấp, có hàng rào gai của vợ chồng ông Triệu Văn L trồng năm 1999. Trong quá trình hòa giải tại thôn, xã và Tòa án, bà Triệu Thị S thừa nhận hàng rào cây gai do gia đình ông Triệu Văn L trồng, ngày 28/3/2019 bà Triệu Thị S đã chặt cây gai này. Căn cứ kết quả giám định bản đồ, kết quả xem xét thẩm định tại chỗ

và đối chiếu với bản đồ thể hiện đất tranh chấp không nằm trong thửa 612 của bà Triệu Thị S và chưa được cấp GCNQSDĐ cho hộ gia đình, cá nhân nào. Kết luận giám định tuổi cây có kết quả cây hồi trên đất tranh chấp có độ tuổi 35 ± 2 , tương đương cây trồng năm 1983 - 1987 là phù hợp với rừng hồi nhà ông Triệu Văn L tại phần đất không tranh chấp. Những người làm chứng ông Triệu Văn T5, Triệu Văn K, Triệu Thị Xét, Triệu Quang T4, Đàm Văn Y, Triệu Văn H5 đều khẳng định đất tranh chấp là của gia đình ông Triệu Văn L. Với các căn cứ nêu trên, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 203 của Luật Đất đai năm 2013; các Điều 158, 160, 161, 163, 164, 189 của Bộ luật Dân sự năm 2015; khoản 1 Điều 147; khoản 1 Điều 157; khoản 1 Điều 161; khoản 1 Điều 165 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Không chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn. Xử cho ông Triệu Văn L và bà Lý Thị P được quản lý sử dụng diện tích đất tranh chấp và tài sản trên đất. Buộc bà Triệu Thị S phải chấm dứt hành vi tranh chấp đất và tài sản, bồi thường cho ông Triệu Văn L trị giá 01 cây hồi đã chặt khi thực hiện giám định và chấm dứt hành vi tranh chấp quyền sử dụng đất nêu trên và phải chịu toàn bộ chi phí tố tụng.

Tại phiên tòa Kiểm sát viên phát biểu: Quá trình giải quyết vụ án Thẩm phán đã thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, xác định đúng thẩm quyền giải quyết, quan hệ pháp luật tranh chấp, tiến hành xác minh, thu thập chứng cứ theo quy định. Hội đồng xét xử đã chấp hành đúng nguyên tắc xét xử theo quy định của pháp luật. Viện kiểm sát không có kiến nghị gì. Các đương sự thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ khi tham gia tố tụng. Tại phiên họp tiếp cận kiểm tra việc giao nộp tiếp cận công khai chứng cứ ông Nguyễn Văn T và anh Nguyễn Văn T1 đã sử dụng điện thoại ghi âm khi chưa có sự cho phép của Thẩm phán và các đương sự phía bị đơn, là có thái độ chưa nghiêm túc chấp hành quy định tại Điều 70, 73 Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã thu thập được trong hồ sơ vụ án, thấy không có căn cứ chấp nhận toàn bộ yêu cầu của bà Triệu Thị S đòi quản lý sử dụng phần diện tích đất tranh chấp $612,9m^2$ và 07 cây hồi trên đất, yêu cầu di dời tài sản, khôi phục nguyên trạng thửa đất tranh chấp. Ông Triệu Văn L và bà Lý Thị P được quyền quản lý sử dụng diện tích đất tranh chấp và sở hữu tài sản trên đất. Buộc bà Triệu Thị S phải bồi thường cho ông Triệu Văn L và bà Lý Thị P giá trị cây hồi đã chặt đi giám định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[2] Về thẩm quyền và quan hệ pháp luật: Đây là vụ án tranh chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất, yêu cầu di dời tài sản và buộc khôi phục hiện trạng ban đầu, bị đơn có nơi cư trú tại thôn Tùng Tày, xã Tàng Phái, huyện Văn Quan, tỉnh Lạng Sơn nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện

Văn Quan, tỉnh Lạng Sơn, theo quy định tại các khoản 2 và 9 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Về thủ tục tố tụng: Tòa án đã thực hiện đầy đủ việc cấp tổng đạt, các đương sự tham gia tố tụng đã được thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ, những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai, có đơn xin giải quyết vắng mặt, căn cứ khoản 2 Điều 227 Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vụ án. Tại phiên họp tiếp cận công khai chứng cứ ông Nguyễn Văn T và ông Nguyễn Văn T1 ghi âm khi chưa hỏi ý kiến của những người tiến hành tố tụng thể hiện thái độ không tôn trọng cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng, những người tham gia tố tụng phía bị đơn có ý kiến phản đối, các đương sự đề nghị không tiến hành hòa giải, do vậy Tòa án không tiến hành hòa giải được vụ án, quyết định đưa vụ án ra xét xử.

[4] Tại phiên họp tiếp cận công khai chứng cứ, bị đơn ông Triệu Văn L và bà Lý Thị P đưa ra yêu cầu về việc đòi bà Triệu Thị S bồi thường hàng cây gai bị chặt, sau đó rút yêu cầu. Tòa án chưa ra thông báo thụ lý đối với yêu cầu này, do vậy Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Xét yêu cầu của nguyên đơn bà Triệu Thị S: cho rằng diện tích đất tranh chấp là đất của cha ông để lại, đã quản lý, sử dụng ổn định nhưng không có văn bản chứng minh nguồn gốc và quá trình quản lý đất. Căn cứ kết quả giám định bản đồ thì diện tích 612,9m² không nằm trong thửa đất số 612 mang tên bà Triệu Thị S, kết quả này phù hợp với thông tin của UBND huyện Văn Quan cung cấp. Đồng thời kết luận giám định bản đồ còn cho thấy thửa đất số 612 nằm cách xa vị trí đất tranh chấp. Đối chiếu bản đồ giao đất Lâm nghiệp xã Tràng Phái đo vẽ năm 1995 và sổ Lâm bạ thì đất tranh chấp chưa được đo vẽ thể hiện chi tiết trên bản đồ. Bản đồ địa chính số 10, số 11 của xã Tràng Phái thể hiện đất tranh chấp nằm trên 02 thửa đất 84 và 186, 02 thửa đất này chưa được giao cho hộ gia đình, cá nhân nào. Đối với con đường mòn đi đến giếng nước Còn Riêng, bà Triệu Thị S cho rằng là ranh giới thửa đất giữa hai nhà, tuy nhiên khi xem xét thẩm định hiện trạng con đường không còn do đã bị ủi (nay chỉ còn dấu tích tại vị trí điểm A trên sơ đồ thửa đất), được gia đình bị đơn thừa nhận là đường đi, nhưng là để dân làng đi nhờ qua thửa đất, chứ không phải là đường ranh giới, phù hợp với lời khai của ông Triệu Văn Chiến và ông Triệu Văn T5 là phía dưới đường đi và trên đường đi đều là đất của ông Triệu Văn L. Về bụi tre trên phần đất tranh chấp bà Triệu Thị S cho rằng trồng tại phần ranh giới, tại thời điểm xem xét thẩm định xác định gốc cây tre được ủi từ phía trên xuống, cũng nằm trên đất tranh chấp gần con đường mòn giáp với hàng cây hòi, dọc theo đường mòn rộng 0,8m-0,9m trên bậc cao so với đất phía bên dưới là 0,5m, trên bậc có một hàng cây gai đã bị chặt hiện còn có 25 gốc, một số gốc mọc mầm cao 05cm, hàng rào gai được trồng tương đối thẳng dọc theo đường mòn làm ranh giới. Hàng rào này được ông Triệu Văn T5, Triệu Văn C xác nhận là ranh giới thửa đất. Do vậy bà Triệu Thị S yêu cầu được quản lý, sử dụng diện tích 612,9m² và sở hữu 07 cây hòi trên đất, yêu cầu bị đơn di dời 05 cây hòi, cây mận mới trồng và khôi phục hiện trạng ban đầu đối với đất đang tranh chấp là không có căn cứ.

[6] Bị đơn ông Triệu Văn L và bà Lý Thị P cho rằng đất của ông cha để lại, nhưng cũng không có tài liệu gì chứng minh về nguồn gốc diện tích đất tranh chấp. Quá trình quản lý chưa được kê khai và xin cấp GCNQSDĐ. Tuy nhiên về quá trình quản lý, sử dụng đất của gia đình các bị đơn được ông Triệu Văn T5, Triệu Văn K xác nhận, thấy gia đình ông Triệu Văn L thường xuyên canh tác sử dụng ổn định, hàng năm trồng hoa màu ngắn ngày, được ông Triệu Văn K, Triệu Văn T5 khẳng định thửa đất được ngăn cách bởi hàng rào gai đã có từ lâu, dọc theo đường mòn tại phần ranh giới còn có 04 cây hồi thuộc về gia đình ông Triệu Văn L, hàng năm thấy gia đình trồng hoa màu ngắn ngày. Trên đất còn có bụi tre của gia đình ông Triệu Văn L trồng gần với hàng rào gai nhưng đã bị ủi đi xuống phía dưới hầm xe tăng, hiện nay gốc tre đã chết khô. Ông Triệu Văn C cũng xác nhận phía trên và dưới đường mòn đi vào giếng nước (điểm A trên sơ đồ) trên cũng là đất của nhà ông Triệu Văn L. Diện tích đất tranh chấp là đất **trồng cây hàng năm khác**, không nằm trong quy hoạch các công trình phúc lợi của xã Trảng Phái, do vậy nguyên đơn phải chấm dứt hành vi tranh chấp đối với đất và tài sản tại Pò Co Chuông nêu trên để các bị đơn được quản lý, sử dụng đất và tài sản trên đất là có căn cứ.

[7] Đối với tài sản trên đất: gồm có 07 cây hồi to (được đánh số từ 1-7), trong đó có 01 cây (tại vị trí số 5) đã cắt giám định, được trồng rải rác tại phần ranh giới, bà Triệu Thị S cho rằng bà được trồng toàn bộ, tuy nhiên tại buổi xem xét thẩm định bà lại cho rằng được trồng 04 cây phía trên hàng rào từ năm 1998, tại phiên tòa bà cho rằng trồng năm 2002, còn 03 cây phía dưới do con trai là Nguyễn Văn T1 trồng nhưng không biết trồng năm nào, như vậy về thời gian trồng cây bà Triệu Thị S khai không thống nhất. Phía bị đơn cho rằng cây hồi được gia đình ông trồng từ năm 2006. Theo kết quả giám định tuổi cây ngày 08/6/2020 của Bộ môn khoa học gỗ, Viện nghiên cứu công nghiệp rừng, thuộc Viện khoa học lâm nghiệp Việt Nam, Kết luận giám định tuổi cây ngày 08/6/2020 của giám định Viên tư pháp theo vụ việc, thì mẫu cây hồi có độ tuổi là 35 ± 2 , sai số ước tính ± 2 , (tương ứng cây hồi trồng vào các năm 1983-1987). Như vậy kết quả giám định tuổi cây hồi, hai bên đều không đưa ra được căn cứ phù hợp. Trên đất tranh chấp có 05 cây hồi nhỏ, 03 cây mận nhỏ có căn cứ xác định do gia đình ông Triệu Văn L trồng. Nay bị đơn được quyền quản lý đất nên được sở hữu toàn bộ tài sản trên đất trong đó có 06 cây hồi to. Đối với 01 cây đã cắt đi giám định theo kết quả định giá tài sản ngày 11/3/2020, cây hồi có đường kính 10-15 cm giá trị là 850.000 đồng, do yêu cầu của nguyên đơn đưa ra là không có căn cứ, nên phải có trách nhiệm bồi thường bị đơn.

[8] Đối với ý kiến của những người có quyền lợi liên quan: Nguyễn Văn T, anh Nguyễn Văn H1, anh Nguyễn Văn T1, anh Triệu Văn Phụng, chị Nông Thị N, bà Triệu Thị X, bà Triệu Thị H2 đều thống nhất với quan điểm của nguyên đơn, không có yêu cầu độc lập, nay yêu cầu giải quyết cho bà Triệu Thị S được quản lý sử dụng đất tranh chấp, nhưng cũng không đưa ra được căn cứ chứng minh như nhận định nêu trên, do vậy không có căn cứ xem xét.

[9] Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Triệu Văn H3, bà Triệu Thị S1, bà Triệu Thị Lan P2, bà Triệu Thị Thúy L1, Nguyễn Thu H4, bà

Triệu Thúy H, bà Triệu Thị Đ, bà Triệu Thị T3 thống nhất với ý kiến của ông Triệu Văn L, bà Lý Thị P, xác nhận đất tranh chấp là tài sản chung của ông bà để lại, chưa chia, nhưng đã giao cho ông Triệu Văn L, bà Lý Thị P quản lý, canh tác, nay không có yêu cầu độc lập, đề nghị xử diện tích đất tranh chấp và cây trên đất cho vợ chồng ông Triệu Văn L và bà Lý Thị P, nên được chấp nhận. Triệu Văn Q, anh Triệu Văn V, anh Triệu Quan Linh, chị Triệu Thị H1 thống nhất với quan điểm của các bị đơn, nay không có yêu cầu độc lập, đề nghị giải quyết đất tranh chấp và cây trên đất cho vợ chồng ông Triệu Văn L và bà Lý Thị P, cần được chấp nhận. Chị Hoàng Thị T2, chị Hoàng Thị Đ khẳng định không liên quan và không có yêu cầu đối với đất tranh chấp, do vậy Hội đồng xét xử không xem xét.

[10] Đối với ý kiến của anh Nguyễn Văn T1, bà Triệu Thị X về việc không nhất trí với Kết luận giám định bản đồ, Kết luận giám định tuổi cây, thấy rằng: Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã trưng cầu giám định bản đồ, giám định tuổi cây theo yêu cầu của bà Triệu Thị S. Sau khi có kết quả giám định và tại phiên họp tiếp cân chứng cứ các đương sự đã được tiếp cận và thông báo kết quả giám định, được sao chụp kết luận, nhưng phía nguyên đơn bà Triệu Thị S không có ý kiến khiếu nại gì. Việc giám định được thực hiện theo yêu cầu của nguyên đơn, nay kết quả giám định đã thực hiện theo trình tự thủ tục quy định, do vậy kết luận giám định là hợp pháp.

[11] Về các ý kiến của những người làm chứng nêu trong Giấy xác nhận và biên bản lấy lời khai của Triệu Quang T4, Triệu Văn Q, Triệu Văn H5, Đàm Văn Y, do các bị đơn cung cấp đều thể hiện các bị đơn có canh tác tại đất rừng Pò Co Chuông, ranh giới thửa đất giữa hai gia đình có hàng cây gai. Nguyên đơn cho rằng những lời khai này không khách quan do trước đây ông Triệu Quang T4 là người đã tham gia giải quyết vụ việc tranh chấp của gia đình bà, những người còn lại đều có quan hệ anh em phía bị đơn, hoặc đã từng xảy ra tranh chấp đất với gia đình bà Triệu Thị S. Tuy nhiên quá trình lấy lời khai những người làm chứng đều khẳng định có quan hệ làng xóm, anh em với cả hai bên đương sự, không có mâu thuẫn với bà Triệu Thị S, lời trình bày của bà Triệu Thị S là không có căn cứ. Nhưng để đảm bảo khách quan Hội đồng xét xử không xem xét đến lời khai của những người làm chứng nêu trên.

[12] Về án phí: Do yêu cầu của nguyên đơn không được chấp nhận nên phải chịu 300.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm về tranh chấp về quyền sở hữu tài sản và tranh chấp về quyền sử dụng đất theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

[13] Về chi phí tố tụng: Chi phí thẩm định tại chỗ và định giá tài sản ngày ngày 11/3/2020 là 3.500.000 đồng; chi phí đo đạc thanh toán cho Trung tâm Tài nguyên số 1 là 6.949.000 đồng; chi phí giám định bản đồ là 3.000.000 đồng, giám định tuổi cây 4.290.000 đồng; chi phí cắt cây giám định 1.100.000 đồng. Tổng cộng số tiền là 18.839.000 đồng. Bà Triệu Thị S đã tạm nộp trước. Do yêu cầu của bà Triệu Thị S không được chấp nhận, do vậy cần xem xét buộc bà Triệu Thị S tự chịu toàn bộ chi phí.

[14] Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhận dân huyện Văn Quan và ý kiến Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của các bị đơn phù hợp với nhận định nêu trên nên được chấp nhận.

[15] Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định tại Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2, 9 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 1 Điều 147; khoản 1 Điều 157; **Điều 158**; khoản 1, 2 **Điều 161**; khoản 1 Điều 165, khoản 1 Điều 166; Điều 227; 228 229; 271 và 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ các Điều 158; 159; 160; 186; 189; 190; 357 và Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 6; 12; 26; 95; khoản 2, 5 Điều 166; Điều 170 và Điều 203 Luật đất đai năm 2013;

Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 24, khoản 1 Điều 26; điểm a khoản 2 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

1. Về quyền sử dụng đất và tài sản trên đất:

1.1. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Triệu Thị S đòi quản lý diện tích 612,9m², tại Pò Co Chuông, Thôn T, xã T, huyện V, tỉnh Lạng Sơn và yêu cầu sở hữu tài sản trên đất, yêu cầu di dời tài sản trên đất và khôi phục hiện trạng ban đầu đối với diện tích đất tranh chấp.

1.2. Ông Triệu Văn L, bà Triệu Thị P được quản lý sử dụng diện tích đất là 612,9m² tại Pò Co Chuông, Thôn Tùng Tày, xã Tràng Phái, huyện Văn Quan, Lạng Sơn, bao gồm 610,6m² thuộc thửa 84 tờ bản đồ số 10 và 2,3m² thuộc tờ bản đồ số 11 đo vẽ năm 2008 xã Tràng Phái, huyện Văn Quan, tỉnh Lạng Sơn. Có các hướng tiếp giáp: Đông giáp đất nhà bà Triệu Thị S; phía Tây giáp đất rừng ông Triệu Văn L; phía Nam giáp đất nhà ông Triệu Văn L và nhà ông Triệu Văn Năng; phía Bắc giáp đất tập thể có đường hào, có các cạnh được xác định bởi các điểm ABCDEF. Vị trí các cạnh thể hiện trên Phụ lục sơ đồ khu đất tranh ngày 03/8/2020 kèm theo.

Ông Triệu Văn L, bà Triệu Thị P được sở hữu tài sản trên đất gồm 11 cây hồi (trong đó 06 cây to, 5 cây nhỏ và 03 cây mận nhỏ. Các bị đơn có quyền và nghĩa vụ kê khai diện tích đất tranh chấp để được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật.

Buộc nguyên đơn và những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan phía nguyên đơn chấm dứt hành vi tranh chấp đối với diện tích đất 612,9m² và tài sản trên đất tại Pò Co Chuông, Thôn Tùng Tày, xã Tràng Phái, huyện Văn Quan, Lạng Sơn nêu trên.

2. Về bồi thường cây hồi bị chặt lấy mẫu giám định: Buộc bà Triệu Thị S phải bồi thường cho ông Triệu Văn L và bà Lý Thị P giá trị cây hồi với số tiền là 850.000 đồng (Tám trăm năm mươi nghìn đồng chẵn). Kể từ khi án có hiệu lực pháp luật, người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bên phải thi hành án chậm thực hiện nghĩa vụ thi hành án thì phải chịu lãi xuất chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả theo quy định tại Điều 357 và Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

3. Về chi phí tố tụng: Bà Triệu Thị S phải chịu 18.839.000 đồng (Mười tám triệu tám trăm ba mươi chín nghìn đồng), (đã nộp).

4. Về án phí: Bà Triệu Thị S phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 300.000 đồng để sung nhân sách Nhà nước. Số tiền trên được trừ vào số tiền 1.020.000 đồng tiền tạm ứng án phí nguyên đơn đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/2012/03847 ngày 30/12/2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Văn Quan, tỉnh Lạng Sơn. Trả lại cho bà Triệu Thị S 720.000 đồng (Bảy trăm hai mươi nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp.

5. Quyền kháng cáo: Các đương sự có mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (11/8/2020). Những người có quyền lợi liên quan vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Lạng Sơn;
- VKSND huyện Văn Quan, tỉnh Lạng Sơn;
- CCTHADS huyện Văn Quan, tỉnh Lạng Sơn;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ + Tổ HCTP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nông Thị Mỹ Phước